SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở 2: Đường Đặng Trần Côn, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ
VIMCERTS: 028 **VILAS: 329**
Số: 2025 - 533/QTMT **Ngày: 26/8/2025**

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Khách hàng: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Hương Canh

Địa chỉ lấy mẫu: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Hương Canh (xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam)

Ngày lấy mẫu: Ngày 19 tháng 8 năm 2025

Thời gian phân tích: Từ ngày 19 tháng 8 đến ngày 26 tháng 8 năm 2025

Tên mẫu: ***Khí thải***

Kí hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:

- KTTN1: Ống xả sau xử lý của hệ thống xử lý bụi từ máy nghiền số 1; tọa độ (X: 2353766; Y: 567804)
- KTTN2: Ống xả sau xử lý của hệ thống xử lý bụi từ máy nghiền số 2; tọa độ (X: 2353781; Y: 567807)
- KTTN3: Ống xả sau xử lý của hệ thống xử lý bụi từ máy nghiền số 3; tọa độ (X: 2353719; Y: 567857)
- KTTN4: Ống xả sau xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò đốt của nồi hơi; tọa độ (X: 2353881; Y: 567861)

Thiết bị sử dụng: Máy lấy mẫu khí Testo 350, Tecora Isostack G4 và các thiết bị phụ trợ khác

Bảng tổng hợp kết quả

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn tối đa cho phép
				KTTN1	KTTN2	KTTN3	B
1	Bụi tổng	US EPA 05	mg/Nm^3	63,4	64,8	63,3	144
2	Lưu lượng	US EPA 02	m^3/h	17.354	17.037	18.443	-
3	Nhiệt độ	QTMT-HDLM 23	^0C	46	46	45	-
4	Áp suất	QTMT-HDLM 23	mBar	1015,3	1019,7	1017,1	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích chỉ được giải quyết trong thời gian lưu mẫu (trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả)
3. Khách hàng tự chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin do khách hàng cung cấp
4. Không trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm Quan trắc & Bảo vệ MT tỉnh Phú Thọ.

Scanned with CamScanner

Bảng tổng hợp kết quả

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn tối đa cho phép
				KTTN4	B
1	Bụi tổng	US EPA 05	mg/Nm^3	59,1	144
2	Nhiệt độ	QTMT-HDLM 23	^0C	103	-
3	CO	QTMT-HDLM 20	mg/Nm^3	245,1	720
4	SO_2		mg/Nm^3	3,5	360
5	NO_x		mg/Nm^3	54	612
6	Lưu lượng	US EPA 02	m^3/h	17.684	-
7	Áp suất	QTMT-HDLM 23	mBar	1017,3	-

Ghi chú:

- Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các thông số được xác định theo QCVN 19:2009/BTNMT (**Cột B; Kp = 0,9; Kv = 0,8**) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (do khách hàng cung cấp).

+ Vậy $\mathbf{C_{max} = C \times 0,72}$

- (-) Quy chuẩn không quy định cụ thể.

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH QA/QC

Chu Thị Hương Giang

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đỗ Khánh Lâm

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích chỉ được giải quyết trong thời gian lưu mẫu (trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả)
3. Khách hàng tự chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin do khách hàng cung cấp
4. Không trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm Quan trắc & Bảo vệ MT tỉnh Phú Thọ.

Scanned with CamScanner